

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG MẦM NON MỸ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU-CHI NĂM 2023
(Dùng cho đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao	Ghi chú
I	HỌC PHÍ		
1	Tổng thu	643,754,529	
-	Số dư năm 2022 chuyển sang	54,150,529	
-	Số thu năm 2023	589,604,000	
2	Tổng chi	643,080,539	
3	Số dư kinh phí chuyển năm sau	673,990	
II	NGUỒN THU DỊCH VỤ KHÁC		
1	Tổng thu	2,208,001,773	
1.1	Học ngày thứ 7	278,959,216	
-	Số dư năm 2022 chuyển sang	12,269,216	
-	Số thu năm 2023	266,690,000	
1.2	Tiền Quản lý HS ngoài giờ hành chính	1,133,512,500	
-	Số dư năm 2022 chuyển sang	5,662,500	
-	Số thu năm 2023	1,127,850,000	
1.3	Tiền hỗ trợ người trực tiếp nấu ăn	514,291,300	
-	Số dư năm 2022 chuyển sang	4,101,300	
-	Số thu năm 2023	510,190,000	
1.4	Tiền học tiếng Anh	281,238,757	
	Số dư năm 2022 chuyển sang	1,031,250	
	Số thu năm 2023	280,207,507	
2	Tổng chi	1,995,824,769	
1.1	Học ngày thứ 7	265,327,129	
1.2	Tiền Quản lý HS ngoài giờ hành chính	1,105,294,700	
1.3	Tiền hỗ trợ người trực tiếp nấu ăn	388,616,998	
1.4	Tiền học tiếng Anh	236,585,942	
3	Số dư kinh phí chuyển năm sau	212,177,004	
1.1	Học ngày thứ 7	13,632,087	
1.2	Tiền Quản lý HS ngoài giờ hành chính	28,217,800	
1.3	Tiền hỗ trợ người trực tiếp nấu ăn	125,674,302	
1.4	Tiền học tiếng Anh	44,652,815	
III	CÁC KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ		

1	Tổng thu	2,941,949,000	
1.1	Đồ dùng PV chăm sóc bán trú	201,497,600	
-	Số dư năm 2022 chuyển sang	37,912,600	
-	Số thu năm 2023	163,585,000	
1.2	Tiền ăn nuôi bán trú	2,269,732,000	
-	Số dư năm 2022 chuyển sang	-	
-	Số thu năm 2023	2,269,732,000	
1.3	Tiền chất đốt	202,349,400	
-	Số dư năm 2022 chuyển sang	4,981,400	
-	Số thu năm 2023	197,368,000	
1.4	Vận động tài trợ GD	263,428,000	
	Số dư năm 2022 chuyển sang		
	Số thu năm 2023	263,428,000	
1.5	Tiền thu phí qua PM Yoyo	4,942,000	
-	Số dư năm 2022 chuyển sang		
-	Số thu năm 2023	4,942,000	
2	Tổng chi	2,812,509,180	
1.1	Đồ dùng PV chăm sóc bán trú	129,947,000	
1.2	Tiền ăn nuôi bán trú	2,269,731,220	
1.3	Tiền chất đốt	198,621,960	
1.4	Vận động tài trợ GD	210,363,000	
1.5	Tiền thu phí qua PM Yoyo	3,846,000	
3	Số dư kinh phí chuyển năm sau	129,439,820	
1.1	Đồ dùng PV chăm sóc bán trú	71,550,600	
1.2	Tiền ăn nuôi bán trú	780	
1.3	Tiền chất đốt	3,727,440	
1.4	Vận động tài trợ GD	53,065,000	
1.5	Tiền thu phí qua PM Yoyo	1,096,000	

Ngày 05 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương

BIÊN BẢN

**Kết thúc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023;
Các khoản thu chi khác năm học 2023 – 2024 và thực hiện dự toán
ngân sách 6 tháng đầu năm 2024**

Hôm nay, vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 05 tháng 9 năm 2024

Tại: Trường Mầm non Mỹ Đức tổ chức lập biên bản kết thúc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023; các khoản thu khác năm học 2023 – 2024 và thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2024, thành phần bao gồm:

- 1, Đ/c Nguyễn Thị Hương - Hiệu trưởng
- 2, Đ/c Nguyễn Thị Kim Chi - Phó hiệu trưởng
- 3, Đ/c Lý Thanh Minh - Phó hiệu trưởng
- 4, Đ/c Vũ Thị Thương - Chủ tịch Công đoàn
- 5, Đ/c Nguyễn Thị Thắm - Kế toán
- 6, Đ/c Đỗ Thị Huyền - Nhân viên nấu ăn - Kiểm thủ quỹ
- 7, Đ/c Đỗ Thị Huyền - Trưởng ban thanh tra nhân dân
- 8, Đ/c Bùi Thị Mai - Bí thư Đoàn TN
- 9, Đ/c Nguyễn Thị Huyền - Giáo viên, tổ trưởng tổ MG 4 tuổi - Thư ký

Nội dung:

Trường Mầm non Mỹ Đức đã thực hiện niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023; các khoản thu chi khác năm học 2023 – 2024 và thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của nhà trường bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc.

Thời gian niêm yết công khai: bắt đầu từ hồi 14 giờ 45 phút ngày 05 tháng 8 năm 2024 và kết thúc việc niêm yết vào hồi 14 giờ 45 phút ngày 04 tháng 9 năm 2024 (30 ngày liên tục).

Trong thời gian niêm yết công khai nhà trường không nhận được phản hồi nào từ phía cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, phụ huynh học sinh và xã hội về nội dung đã công khai.

Hôm nay nhà trường lập biên bản kết thúc công khai và lưu vào hồ sơ.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 05 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Huyền

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023;
Các khoản thu chi khác năm học 2023 – 2024 và thực hiện dự toán
ngân sách 6 tháng đầu năm 2024**

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 45 phút ngày 05 tháng 8 năm 2024

Tại: Trường Mầm non Mỹ Đức tổ chức lập biên bản niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023; các khoản thu chi khác năm học 2023 – 2024 và thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2024, thành phần bao gồm:

- 1, Đ/c Nguyễn Thị Hương - Hiệu trưởng
- 2, Đ/c Nguyễn Thị Kim Chi - Phó hiệu trưởng
- 3, Đ/c Lý Thanh Minh - Phó hiệu trưởng
- 4, Đ/c Vũ Thị Thương - Chủ tịch Công đoàn
- 5, Đ/c Nguyễn Thị Thắm - Kế toán
- 6, Đ/c Đỗ Thị Huyền - Nhân viên nấu ăn - Kiểm thủ quỹ
- 7, Đ/c Đỗ Thị Huyền - Trưởng ban thanh tra nhân dân
- 8, Đ/c Bùi Thị Mai - Bí thư Đoàn TN
- 9, Đ/c Nguyễn Thị Huyền - Giáo viên, tổ trưởng tổ MG 4 tuổi - Thư ký

Nội dung:

Lập biên bản về việc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023; các khoản thu chi khác năm học 2023 – 2024 và thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của trường Mầm non Mỹ Đức bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc.

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ hồi 14 giờ 45 phút ngày 05 tháng 8 năm 2024 sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 14 giờ 45 phút ngày 04 tháng 9 năm 2024 (30 ngày liên tục).

Thực hiện niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023; các khoản thu chi khác năm học 2023 – 2024 và thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của trường Mầm non Mỹ Đức (Có thông báo công khai chi tiết kèm theo) niêm yết tại nơi thuận tiện cho mọi người trong cơ quan, đơn vị và cha mẹ phụ huynh học sinh biết.

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian 30 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

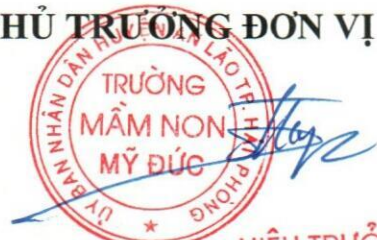
Biên bản lập xong hồi 15 giờ 25 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Huyền

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương

CÁC THÀNH VIÊN

Buad*

Bùi Thị Mai
Huyền

Đỗ Thị Huyền

Nguyễn Thị Huyền

Nguyễn Thị Huyền

Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Thị Thanh

Lý Thanh Linh

Nguyễn Thị Kim Chi

Vũ Thị Chương

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường mầm non Mỹ Đức
Mã DVQHNS: 1082566
Mã cấp NS: 3

Người ký: Nguyễn Sỹ Tùng
Ngày ký: 07/02/2024 13:57:02
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN An Lão - Hải Phòng
Nơi dùng: Phê duyệt hồ sơ đòi
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/DVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Năm 2023

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	071	00000	0	216.245.000	442.687.500	442.687.500	442.687.500	442.687.500	442.687.500	0	0	0	0
13	071	00000	0	5.272.746.000	5.272.746.000	5.272.746.000	5.272.746.000	5.272.746.000	5.272.746.000	0	0	0	0
14	071	00000	0	0	2.031.023.060	2.031.023.060	2.031.023.060	2.031.023.060	2.031.023.060	0	0	0	0
15	071	00000	0	0	186.539.000	186.539.000	186.539.000	186.539.000	186.539.000	0	0	0	0
Cộng:			0	5.488.991.000	7.932.995.560	7.932.995.560	7.932.995.560	7.932.995.560	7.932.995.560	0	0	0	0

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 7 tháng 2 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 7 tháng 2 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Tran Thi Thu Trang11

Người ký: Tung50 Nguyen Si
Ngày ký: 07/02/2024 13:57:02
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KERN An Lạc - Hải Phòng

Tung50 Nguyen Si

Người ký: Nguyễn Thị Thắm
Ngày ký: 07/02/2024 09:12:25
Đơn vị: Trường mầm non Mỹ Đức

Nguyễn Thị Thắm

Người ký: Nguyễn Thị Hương
Ngày ký: 07/02/2024 10:12:40
Đơn vị: Trường mầm non Mỹ Đức

Nguyễn Thị Hương

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường mầm non Mỹ Đức
Mã ĐVQHNS: 1082566
Mã cấp NS: 3

Người ký: Nguyễn Sỹ Tùng
Ngày ký: 07/02/2024 13:57:02
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN An Lão - Hải Phòng
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVĐT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TÀI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Năm 2023

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Tiền ăn	12	071	6401	00000	0	0	6.400.000	6.400.000	6.400.000	6.400.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	12	071	6912	00000	0	0	15.550.000	15.550.000	15.550.000	15.550.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	071	7766	00000	0	0	2.295.000	2.295.000	2.295.000	2.295.000
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	12	071	6954	00000	0	0	82.350.000	82.350.000	82.350.000	82.350.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	071	7001	00000	0	0	105.070.000	105.070.000	105.070.000	105.070.000
Chi các khoản phí và lệ phí	12	071	7756	00000	0	0	4.580.000	4.580.000	4.580.000	4.580.000
Các khoản hỗ trợ khác	12	071	6199	00000	0	0	226.442.500	226.442.500	226.442.500	226.442.500
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	2.337.907.323	2.337.907.323	2.337.907.323	2.337.907.323
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	38.718.693	38.718.693	38.718.693	38.718.693
Tiền công khác	13	071	6099	00000	0	0	308.485.119	308.485.119	308.485.119	308.485.119
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	46.327.960	46.327.960	46.327.960	46.327.960
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	745.531.685	745.531.685	745.531.685	745.531.685
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	289.399.606	289.399.606	289.399.606	289.399.606
Chi khác	13	071	6299	00000	0	0	63.039.986	63.039.986	63.039.986	63.039.986
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	561.572.181	561.572.181	561.572.181	561.572.181
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	98.619.678	98.619.678	98.619.678	98.619.678

Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	65.746.533	65.746.533	65.746.533	65.746.533
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	32.873.193	32.873.193	32.873.193	32.873.193
Các khoản đóng góp khác	13	071	6349	00000	0	0	16.436.298	16.436.298	16.436.298	16.436.298
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	13	071	6404	00000	0	0	29.665.876	29.665.876	29.665.876	29.665.876
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	82.126.595	82.126.595	82.126.595	82.126.595
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	78.781.500	78.781.500	78.781.500	78.781.500
Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	5.800.000	5.800.000	5.800.000	5.800.000
Chi khác	13	071	6549	00000	0	0	34.180.000	34.180.000	34.180.000	34.180.000
Văn phòng phẩm	13	071	6551	00000	0	0	26.674.500	26.674.500	26.674.500	26.674.500
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	071	6552	00000	0	0	3.400.000	3.400.000	3.400.000	3.400.000
Vật tư văn phòng khác	13	071	6599	00000	0	0	17.350.000	17.350.000	17.350.000	17.350.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	13	071	6601	00000	0	0	1.306.800	1.306.800	1.306.800	1.306.800
Thuế bao kính vệ tinh; thuế bao cấp truyền hình; cước phí Internet; thuế đường truyền mạng	13	071	6605	00000	0	0	4.776.000	4.776.000	4.776.000	4.776.000
In, mua tài liệu	13	071	6651	00000	0	0	170.000	170.000	170.000	170.000
Các khoản thuế mướn khác	13	071	6657	00000	0	0	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000
Chi phí khác	13	071	6699	00000	0	0	1.160.000	1.160.000	1.160.000	1.160.000
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000
Thuế lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	135.200.000	135.200.000	135.200.000	135.200.000
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	13	071	6905	00000	0	0	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	071	6912	00000	0	0	32.525.600	32.525.600	32.525.600	32.525.600
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	071	6913	00000	0	0	22.400.000	22.400.000	22.400.000	22.400.000
Đường điện, cáp thoát nước	13	071	6921	00000	0	0	16.369.774	16.369.774	16.369.774	16.369.774
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	071	6949	00000	0	0	40.915.000	40.915.000	40.915.000	40.915.000
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	13	071	6954	00000	0	0	41.990.000	41.990.000	41.990.000	41.990.000
Tài sản và thiết bị khác	13	071	6999	00000	0	0	16.836.000	16.836.000	16.836.000	16.836.000
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	13	071	7012	00000	0	0	31.603.500	31.603.500	31.603.500	31.603.500
Chi khác	13	071	7049	00000	0	0	17.989.000	17.989.000	17.989.000	17.989.000

Chi các khoản phí và lệ phí	13	071	7756	00000		0		0	4.645.300	4.645.300	4.645.300	4.645.300
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	13	071	7757	00000		0		0	2.522.300	2.522.300	2.522.300	2.522.300
Lương theo ngạch, bậc	14	071	6001	00000		0		0	258.307.197	258.307.197	258.307.197	258.307.197
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	14	071	6051	00000		0		0	4.352.400	4.352.400	4.352.400	4.352.400
Tiền công khác	14	071	6099	00000		0		0	37.479.000	37.479.000	37.479.000	37.479.000
Phụ cấp chức vụ	14	071	6101	00000		0		0	5.208.000	5.208.000	5.208.000	5.208.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	14	071	6112	00000		0		0	93.834.210	93.834.210	93.834.210	93.834.210
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	14	071	6115	00000		0		0	35.219.323	35.219.323	35.219.323	35.219.323
Bảo hiểm xã hội	14	071	6301	00000		0		0	57.896.220	57.896.220	57.896.220	57.896.220
Bảo hiểm y tế	14	071	6302	00000		0		0	10.216.980	10.216.980	10.216.980	10.216.980
Kinh phí công đoàn	14	071	6303	00000		0		0	6.811.320	6.811.320	6.811.320	6.811.320
Bảo hiểm thất nghiệp	14	071	6304	00000		0		0	3.405.660	3.405.660	3.405.660	3.405.660
Các khoản đóng góp khác	14	071	6349	00000		0		0	1.702.830	1.702.830	1.702.830	1.702.830
Chi khác	14	071	6449	00000		0		0	1.516.589.920	1.516.589.920	1.516.589.920	1.516.589.920
Các khoản hỗ trợ khác	15	071	6199	00000		0		0	186.539.000	186.539.000	186.539.000	186.539.000
				Cộng:		0		0	7.932.995.560	7.932.995.560	7.932.995.560	7.932.995.560

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 7 tháng 2 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 7 tháng 2 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Tran Thi Thu Trang11

Người ký: Trung40 Nguyen Si
Ngày ký: 07/02/2024 11:57:02
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KENH Asia Ltd - Hà Phòng

Tung50 Nguyen Si

Người ký: Nguyễn Thị Thắm
Ngày ký: 07/02/2024 09:10:25
Đơn vị: Trưởng nhóm kinh lý Dục

Nguyễn Thị Thắm

Người ký: Nguyễn Thị Hương
Ngày ký: 07/02/2024 10:12:40
Đơn vị: Trưởng nhóm kinh lý Dục

Nguyễn Thị Hương